

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 26/2010/QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 14 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định mức trợ cấp, trợ giúp
Cho đối tượng bảo trợ xã hội
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11, ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 09/2007/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Liên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính tại Tờ trình số 69/TTr-LĐTBXH-TC, ngày 26 tháng 7 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, quy định mức trợ cấp, trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội như sau:

1. Mức chuẩn để xác định mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội là 180.000 đồng (hệ số 1). Các mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối với từng nhóm đối tượng bảo trợ xã hội bằng mức trợ cấp xã hội hàng tháng thấp nhất quy định tại Nghị định số 13/2010/NĐ-CP.

2. Riêng mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh bằng 80% mức lương tối thiểu.
3. Mức trợ cấp cứu trợ đột xuất và các mức hỗ trợ khác thực hiện theo mức quy định tại Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010.

Điều 2. Thủ tục hồ sơ, quy trình xét duyệt, thẩm quyền giải quyết trợ giúp kinh phí cho các đối tượng bảo trợ xã hội thực hiện theo Thông tư số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 3. Lập dự toán kinh phí hàng năm đối với nguồn kinh phí trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng; kinh phí nuôi dưỡng, kinh phí hoạt động bộ máy, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản của cơ sở bảo trợ xã hội và nhà xã hội tại cộng đồng; kinh phí tuyên truyền, phổ biến chính sách, khảo sát thống kê, ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý đối tượng, kinh phí hoạt động chi trả trợ cấp xã hội thuộc cấp nào thì do ngân sách cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 57/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lữ Ngọc Cư